

Dịch vụ tư vấn khi gặp khó khăn

MieCo

Bạn có thể trao đổi với chúng tôi về những vấn đề khó khăn của mình. Việc tư vấn là hoàn toàn miễn phí.

- ① Gọi đến số **080-3300-8077**
- ② Nói tên ngôn ngữ của bạn bằng tiếng Nhật
- ③ Bắt đầu buổi tư vấn.



Thứ Hai ~ Thứ Sáu
9:00 ~ 16:00

▼ Ngôn ngữ hỗ trợ

	English	한국어	Português	Filipino	ภาษาไทย
	中文	Tiếng Việt	Español	Bahasa Indonesia	नेपाली भाषा

Cứu hỏa / Cứu thương

Có thể gọi điện bằng tiếng nước ngoài.

※Một số khu vực có thể không hỗ trợ

- ① Bấm số **119**
- ② Nói tên quốc gia và ngôn ngữ của bạn bằng tiếng Nhật.
- ③ Thông dịch viên sẽ được kết nối vào cuộc gọi.



▼ Các ngôn ngữ hỗ trợ chính (Hỗ trợ tổng cộng 22 ngôn ngữ)

English	Français	Tiếng Việt	မြန်မာဘာသာစကား	नेपाली भाषा	русский язык	සිංහල
中文	Español	ភាសាខ្មែរ	Tagalog	Монгол хэл	Deutsch	हिंदी
한국어	Português	ภาษาไทย	Indonesia	Bahasa Melayu	italiano	

v.v.

Trang web chính thức

Thành phố Yokkaichi

English	中文	한국어
Português	Español	Tiếng Việt



Thị trấn Komono

English	简体中文	ภาษาไทย	Português	Español
한국어	繁体中文	မြန်မာစာ	Tiếng Việt	Indonesia



Thị trấn Kawagoe

English	中文
한국어	Tiếng Việt



Thị trấn Asahi

English	中文	한국어
Português	Español	Tiếng Việt



Đơn vị phát hành: Tỉnh Mie
Nguồn tham khảo: Được biên soạn dựa trên thông tin từ "Cổng thông tin giao lưu đa văn hóa Tokyo (TIPS)".

Cẩm nang phòng chống thiên tai

dành cho người nước ngoài

じしん
地震
Động đất

Mặt đất rung chuyển.
Nhà cửa bị phá hủy.
Đồ đạc rơi đổ.



つなみ
津波
Sóng thần

Sóng lớn ập đến sau
động đất.
Cuốn trôi nhà cửa.



おおあめ
大雨
Mưa lớn

Mưa dữ dội, đường
phố bị ngập.
Sông ngòi tràn bờ.



どしゃさいがい
土砂災害
Sạt lở đất

Do động đất/ mưa lớn.
Núi bị lở, đá và bùn đất
tràn xuống.



Cần làm gì khi có động đất

Khi có
động đất

- Bảo vệ đầu và cơ thể dưới gầm bàn.



Sau khi hết
rung lắc

- Kiểm tra xem nơi bạn đang ở có an toàn không.
- Kiểm tra xem có sóng thần sắp đến hoặc nhà cửa có bị nứt/ sập không.
- Nếu gần nơi có hỏa hoạn
- Gần biển
- Gần vách đá

Nếu khu vực quanh
nhà an toàn

Hãy chạy ngay đến "Địa điểm lánh nạn khẩn cấp" hoặc "Địa điểm tránh sóng thần".

Hãy ở lại trong nhà.

Nơi lánh nạn

ひなんばしょ
避難場所
Địa điểm lánh nạn
khẩn cấp



- Nơi chạy đến đầu tiên khi thiên tai xảy ra.
- Những nơi rộng như công viên, trường học,...

つなみひなんばしょ
津波避難場所
Địa điểm
tránh sóng thần



- Nơi để thoát khỏi sóng thần.
- Các tòa nhà cao tầng, v.v.

ひなんじょ
避難所
Trạm sơ tán



- Nơi dành cho những người không thể ở nhà do thiên tai.
- Có thể nhận nước và thức ăn tại đây.

Kiểm tra Bản đồ nguy hiểm



- Có thể xem các địa điểm lánh nạn và bản đồ những khu vực nguy hiểm qua ứng dụng hoặc trang web.
- Có thể xem nhiều thông tin khác nhau về thiên tai và thời tiết.

[Ngôn ngữ hỗ trợ]

English 简体中文 Português Tiếng Việt
한국어 Tagalog Español

▼ Tải xuống tại đây



Dành cho iPhone Dành cho Android

Trạm sơ tán là nơi như thế nào?

Trạm sơ tán là gì?

- Là nơi để sinh sống khi bạn không thể ở lại nhà do thiên tai.
- Bất kỳ ai cũng có thể sử dụng. Việc sử dụng là hoàn toàn miễn phí.
- Bạn có thể nhận được thức ăn, nước uống, chăn màn, v.v.



Cuộc sống tại trạm sơ tán

- Khi đến nơi, hãy đi đến quầy tiếp tân để làm thủ tục.
- Hãy tuân thủ các quy tắc và phép lịch sự tại trạm sơ tán.
- Hãy kiểm tra bảng thông báo để cập nhật thông tin mới nhất.
- Nếu bạn có thắc mắc, hãy hỏi nhân viên tại quầy tiếp tân.



Chuẩn bị lánh nạn

- Khi thiên tai xảy ra, các dịch vụ điện, ga và nước có thể bị ngừng cung cấp.
- Đồ ăn và nước uống tại siêu thị sẽ nhanh chóng hết hàng.
- Hãy chuẩn bị sẵn những thứ cần thiết trong túi để có thể đi lánh nạn ngay lập tức.

- ☐ Bàn chải đánh răng
- ☐ Bộ sơ cứu
(Thuốc cá nhân)
- ☐ Khẩu trang

- ☐ Tiền mặt
- ☐ Bút và sổ tay
- ☐ Giấy tờ tùy thân

- ☐ Nhà vệ sinh di động
- ☐ Đồ lót
- ☐ Khăn tắm



- ☐ Mũ bảo hiểm
- ☐ Găng tay bảo hộ
- ☐ Đèn pin
- ☐ Pin
(Sạc dự phòng)

- ☐ Túi nylon
- ☐ Khăn giấy ướt
- ☐ Áo mưa

- ☐ Đồ ăn dự trữ
- ☐ Nước uống

Tiếng Nhật hữu ích khi có thiên tai

ひなん 避難	Lánh nạn	Chạy đến nơi an toàn.
よしん 余震	Dư chấn	Các trận động đất nhỏ xảy ra sau một trận động đất lớn.
しんすい 浸水	Ngập lụt	Đường bị ngập/ Nước tràn vào nhà.
はんらん 氾濫	Tràn bờ	Nước sông dâng cao và tràn ra ngoài.
はつれい 発令	Phát lệnh	Một thông báo chính thức (như lệnh lánh nạn) đã được ban bố.
ていでん 停電	Mất điện	Trạng thái không có điện.
だんすい 断水	Mất nước	Trạng thái không có nước sinh hoạt.
ふっきゅう 復旧	Phục hồi	Các dịch vụ thiết yếu như điện, nước hoạt động trở lại.
きゅうすいじょ 給水所	Trạm cấp nước	Nơi bạn có thể đến để nhận nước uống miễn phí.
ただ 炊き出し	Cấp suất ăn	Hoạt động cung cấp thức ăn tại các trạm sơ tán.

